

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DL
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2022/DS-ST

Ngày: 10-02-2023

V/v tranh chấp hợp đồng

Mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Cường Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Duy Trâm.

2. Ông Bùi Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Dàng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện DL.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện DL: Bà My La - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2022/TLST-DS ngày 20/10/2022 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXX-DS ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện DL, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Vợ chồng ông Ninh Văn A và bà Vũ Thị G.**

Địa chỉ Thôn 01 xã Hòa Nam, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: **Ông Hà Ngọc H.**

Địa chỉ: Thôn 5, xã Hòa Nam, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

Vợ chồng ông Ninh Văn A và bà Vũ Thị G có mặt, ông Hà Ngọc H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà G thay mặt vợ chồng với tư cách nguyên đơn bà trình bày:

Do là người cùng thôn, nên từ năm 2019 đến năm 2020 vợ chồng có bán phân bón cho anh Hà Ngọc H, chúng tôi thỏa thuận, anh H nhận phân bón và cuối năm sẽ thanh toán tiền. Cụ thể ngày 19/01/2019 (nhưng giấy nợ ghi nhầm là 19/01/2020) anh H trước đó mua nhiều lần mua phân bón khác nhau, tôi không

nhớ cụ thể tuy nhiên ngày 19/01/2019 hai bên đối chiếu sổ sách, trừ đi số tiền đã trả thì anh H còn nợ lại 7.000.000đ. Tiếp theo ngày 01/02/2022 anh H có mua 500kg phân con ó thành tiền 4.100.000đ; ngày 25/7/2020 mua 2.000kg phân Đầu Trâu, thành tiền 7.200.000đ; 300kg phân DAP thành tiền 3.750.000đ; ngày 14/9/2020 mua 100kg phân Nga, thành tiền 1.350.000đ; ngày 23/10/2020 mua 850kg phân Lân đen thành tiền 3.400.000đ; 1.050kg phân Đức Nở, thành tiền 8.400.000đ; 200kg phân DAP, thành tiền 2.500.000đ. Đến ngày 06/02/2021 do dùng không hết anh H có trả lại cho vợ chồng tôi 150kg phân DAP, chúng tôi đã trừ số tiền 1.875.000đ của 150Kg phân DAP mà anh H đã trả lại. Như vậy tổng số tiền mà anh H mua phân bón chưa trả tiền, còn thiếu của vợ chồng tôi là 35.825.000đ. Trong các lần mua phân thì anh H có ký tên xác nhận vào giấy ghi nợ và thỏa thuận lãi 1,7%/tháng.

Sau nhiều lần đòi nhưng anh H không trả thì ngày 26/3/2021, tại UBND xã Hòa Nam, anh H có tự tay ghi bản cam kết, xác nhận về việc nợ tiền phân bón của tôi và hứa sẽ thanh toán vào ngày 30/8/2021, tuy nhiên đến nay vẫn chưa trả được đồng nào.

Tôi xác định anh H mua phân bón nhằm chăm sóc vườn cà phê nhà, vợ anh H là chị Đặng Thị Dung. Tuy nhiên anh H là người trực tiếp nhận phân bón và ký tên xác nhận nợ, nên chúng tôi chỉ kiện một mình anh H mà thôi.

Nay thay mặt vợ chồng, tôi yêu cầu anh H trả cho chúng tôi số tiền nợ gốc 35.825.000đ và tiền lãi của số tiền 7.000.000đ thời gian tính lãi từ ngày 19/01/2020 đến ngày 19/01/2023 (36 tháng) theo mức lãi 1,5%/tháng, thành tiền 3.780.000đ; tiền lãi của số tiền 28.825.000đ, thời gian tính lãi từ ngày 26/3/2021, vì ngày này ông H có cam kết trả tiền cho tôi tại UBND xã đến ngày 26/01/2023, là 22 tháng, với lãi suất 1%/ tháng, thành tiền là 6.341.000đ. Tổng chung số tiền lãi yêu cầu là 10.121.000đ. Tổng số tiền gốc và lãi yêu cầu là 45.946.000đ. Tài liệu chứng cứ là giấy ghi nợ và bản cam kết của anh H.

Về phía bị đơn, ông Hà Ngọc H không đến tòa làm việc nên Tòa án không ghi được lời khai.

Tại phiên hòa giải:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên như lời trình bày trước đây, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới. Do bị đơn không đến tòa làm việc nên Tòa án không tiến hành được phiên hòa giải. Tòa án đã tiến hành buổi tiếp cận công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ cho các đương sự theo quy định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bà G thay mặt vợ chồng trình bày, tại phiên tòa bà đồng ý điều chỉnh lại mức lãi suất trước đây, cụ thể chỉ tính lãi 1,5%/tháng cho số tiền nợ 7.000.000đ và 1%/tháng cho số tiền gốc 28.825.000đ.

Đại diện Kiểm sát viên phát biểu quan điểm xử lý:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, thẩm phán và hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Viện kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Căn cứ các Điều 26; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Nguyên đơn và bị đơn có nơi cư trú tại huyện DL, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án nhân dân huyện DL có thẩm quyền giải quyết là đúng quy định.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn vợ ông Hà Ngọc H. Hội đồng xét xử thấy rằng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo và giấy triệu tập, tuy nhiên ông H vẫn vắng mặt không lý do. Căn Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

[3] Về nội dung tranh chấp :

Xét nội dung và hình thức của giấy viết tay không có tiêu đề, ghi nợ việc mua bán phân bón và bảng cam kết ghi ngày 26/3/2021 giữa ông H và bà G thì thấy rằng, các bên tham gia mua bán phân bón, giao kết hợp đồng miệng với nhau, có ký giấy xác nhận nợ trên tinh thần tự nguyện. Nội dung giao kết không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Bên bán đã giao hàng, bên mua đã nhận đủ số lượng, chủng loại và có cam kết thanh toán các khoản nợ vào ngày 30/8/2021. Các tài liệu chứng cứ này đã được Tòa án công khai, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ cho bị đơn biết, ông H không có ý kiến gì. Căn cứ Điều 92, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ; Điều 430 và 440 của bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xác định, hợp đồng mua bán giữa bà G và ông Hà Ngọc H có hiệu lực từ ngày giao kết là đúng quy định. Tính đến nay đã quá thời hạn trả tiền mua bán như thỏa thuận. Do đó cần buộc ông Hà Ngọc H trả cho bà G ông A số tiền nợ gốc do mua phân bón chưa thanh toán 35.825.000đ là phù hợp.

[4] Về yêu cầu tính tiền lãi. Xét thấy yêu cầu trả lãi trên số tiền chậm trả của bà G là phù hợp với Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể tiền lãi của số tiền 7.000.000đ thời gian tính lãi từ ngày 19/01/2020 đến ngày 19/01/2023 (36 tháng) theo mức lãi 1,5%/tháng, thành tiền 3.780.000đ; tiền lãi

của số tiền 28.825.000đ, thời gian tính lãi từ ngày 26/3/2021, vì ngày này ông H có cam kết trả tiền tại UBND xã đến ngày 26/01/2023, là 22 tháng, với lãi suất 1%/ tháng, thành tiền là 6.341.000đ. Tổng chung số tiền lãi yêu cầu được chấp nhận là 10.121.000đ.

[5] Như vậy cả gốc và lãi bà G ông A yêu cầu ông Hà Ngọc H trả được Tòa án chấp nhận là 45.946.500đ.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền gốc và lãi phải trả cho vợ chồng bà G ông A. Trả lại số tiền mà vợ chồng ông A bà G đã nộp tạm ứng án phí là đúng quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

[6] Các vấn đề khác:

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 26; 35; 39; khoản 2 Điều 92; Điều 227, Điều 228; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 357, 468, 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Ninh Văn A và bà Vũ Thị G. Ông Hà Ngọc H có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Ninh Văn A và bà Vũ Thị G số tiền nợ gốc 35.825.000đ và 10.121.000đ. tiền lãi. Tổng chung số tiền phải trả là 45.946.500đ. (bốn mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại

Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Hà Ngọc H phải chịu 2.297.325đ (hai triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng) án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho vợ chồng ông Ninh Văn A và bà Vũ Thị G đã nộp tạm ứng án phí 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006879 ngày 20/10/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

3. Ông Ninh Văn A, bà Vũ Thị G, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Hà Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện DL;
- Chi cục THADS huyện DL;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Cường Huy

